

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



GIẤY CHỨNG NHẬN

*(Cấp theo Quyết định số 908 /QĐ-LĐTĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐÀO TẠO – KIỂM ĐỊNH – ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ trụ sở chính: Số 107A Làng Yên Phụ, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Mã số đăng ký chứng nhận: 92/GCN-KĐ

**ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

*Chi tiết tại Quyết định số 908 /QĐ-LĐTĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

Ngày cấp: 13 tháng 7 năm 2018.

Ngày hết hiệu lực: 13 tháng 7 năm 2023.

Cấp lần thứ: 01.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**



Hà Tất Thắng

Số: 908 /QĐ-LĐT BXH

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ kết quả thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho công ty cổ phần Đào tạo – Kiểm định – Đo kiểm môi trường;

Xét đề nghị của Cục An toàn lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho công ty cổ phần Đào tạo – Kiểm định – Đo kiểm môi trường, cụ thể:

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 107A Làng Yên Phụ, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.
2. Phạm vi được thực hiện kiểm định (chi tiết tại phụ lục kèm theo).
3. Số đăng ký chứng nhận: 92/GCN-KĐ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Công ty cổ phần Đào tạo – Kiểm định – Đo kiểm môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*kt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Bộ LĐT BXH;
- Sở LĐT BXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

TUO. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG





PHỤ LỤC
PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **908** /QĐ-LĐTĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

| STT | Tên đối tượng kiểm định (theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH) | Ghi chú |
|-----|--|---------|
| 1. | Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C. | |
| 2. | Nồi gia nhiệt dầu. | |
| 3. | Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996. | |
| 4. | Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thuỷ tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 và các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức trên 210 bar. | |
| 5. | Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hoá lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010. | |
| 6. | Hệ thống cung cấp, hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan. | |
| 7. | Hệ thống đường ống dẫn khí y tế. | |
| 8. | Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:2015, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3. | |
| 9. | Cần trục các loại: Cần trục ô tô, cần trục bánh hơi, cần trục bánh xích, cần trục đường sắt, cần trục chân đế. | |

| | | |
|-----|--|--|
| 10. | Cầu trục các loại: Cầu trục lăn, cầu trục treo. | |
| 11. | Công trục các loại: Công trục, bán công trục. | |
| 12. | Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên. | |
| 13. | Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao. | |
| 14. | Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên. | |
| 15. | Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên. | |
| 16. | Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m. | |
| 17. | Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người; | |
| 18. | Thang máy các loại. | |
| 19. | Thang cuốn; băng tải chở người. | |

Handwritten mark